

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 17 - 02 - 2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà
Bà Nguyễn Thị Hải Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 176/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị T, sinh năm 1995. Có mặt

Nơi cư trú: Xóm 12, xã N, huyện T, Nghệ An

Chỗ ở hiện nay: Thôn 10, xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

2. *Bị đơn:* anh Lê Quang Đ, sinh năm 1995. Có mặt

Nơi cư trú: Xóm 12, xã N, huyện T, Nghệ An

3. Người kháng cáo: Bị đơn là anh Lê Quang Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ:

Nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Lê Quang Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An vào ngày 28/6/2018. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến tháng 10/2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng nhất vào tháng 3 năm 2019 và hai vợ chồng chị đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là do cuộc sống hai bên không hợp nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyện vọng của chị là muốn được ly hôn với anh Lê Quang Đ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Quang H sinh ngày 29/08/2018, hiện nay đang sống cùng với chị. Nay vợ chồng chị ly hôn, nguyện vọng của chị là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quang H và yêu cầu anh Lê Quang Đ góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Lê Quang Đ:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Đ thừa nhận anh và chị Trần Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, Nghệ An vào ngày 28 tháng 06 năm 2018. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trở nên trầm trọng nhất kể từ tháng 3 năm 2019 và vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên việc chị Trần Thị T xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về trách nhiệm nuôi con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Lê Quang H sinh ngày 29/08/2018 hiện nay đang sống cùng với chị Trần Thị T. Nay ly hôn, nguyện vọng của anh là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quang H và không yêu cầu chị Trần Thị T phải góp cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh có làm đơn yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung của vợ chồng gồm 26 triệu đồng tiền mặt, 7 chỉ vàng 24k. Tổng trị giá là 53.300.000 đồng. Anh Đ yêu cầu phân chia tài sản này mỗi người một nửa.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 176/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Lê Quang Đ

Về trách nhiệm nuôi con: Giao con chung của vợ chồng là cháu Lê Quang H, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Quang Đ góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng. Thời hạn góp cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về chia tài sản chung và nợ: Không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2019, Bị đơn là anh Lê Quang Đ kháng cáo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, với nội dung: anh yêu cầu giao con chung là cháu Lê Quang H cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, vì chị Trần Thị T không có công ăn, việc làm ổn định, không có thu nhập và chị T không có sữa mẹ để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Quang H. Nếu giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cháu có cuộc sống tốt đẹp về sức khỏe cũng như tinh thần. Anh có việc làm ổn định, có thu nhập và có nhà ở ổn định. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa, anh Lê Quang Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Chị Trần Thị T không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Lê Quang Đ, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Lê Quang Đ, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được làm trong hạn luật định, chủ thể kháng cáo đúng quy định, người kháng cáo đã nộp dự phí đầy đủ nên có cơ sở để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị T và anh Lê Quang Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và Biên bản xác minh ngày 16/7/2019 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An có cơ sở khẳng định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh Đ chung sống hạnh phúc với nhau trong một thời gian ngắn, tháng 10/2018 giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn trở nên gay gắt nhất kể từ tháng 3/2019 và giữa chị T, anh Đ đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh Đ đồng ý. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Lê Quang Đ là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều không kháng cáo về quan hệ hôn nhân.

[3] Xét nội dung kháng cáo của anh Lê Quang Đ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Trần Thị T và anh Lê Quang Đ có một con chung là cháu Lê Quang H, sinh ngày 29/8/2018. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị T. Ly hôn, cả chị T và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, xét đây là nguyện vọng chính đáng của những người làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên, xét cháu Lê Quang H hiện nay mới hơn 1 tuổi, còn quá nhỏ, rất cần thiết phải có sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm chị T trình bày và cung cấp các tài liệu, chứng cứ kèm theo thể hiện chị hiện đang làm thuê tại một cơ sở buôn bán rau củ quả tại chợ thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; với mức thu nhập ổn định 6.000.000đ/1 tháng. Từ tháng 3/2019 đến nay, cháu Lê Quang H đang do chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vì vậy, trên cơ sở xem xét toàn diện các yếu tố đảm bảo tốt nhất về điều kiện vật chất cũng như tinh thần đối với cháu Lê Quang H, sự cần thiết phải có sự chăm sóc của người mẹ đối với con nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc anh Đ kháng cáo cho rằng chị T không có công ăn, việc làm ổn định, không có thu nhập, không đảm bảo được điều kiện

nuôi dưỡng cho cháu H là không có cơ sở. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, anh Tuấn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh nội dung yêu cầu trong đơn kháng cáo. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Đ, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lê Quang Đ phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Quang Đ về việc yêu cầu giao con chung cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng; giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Lê Quang Đ

Về trách nhiệm nuôi con: Giao con chung của vợ chồng là cháu Lê Quang H, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Quang Đ góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng. Thời hạn góp cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về chia tài sản chung và nợ: Không xem xét.

*Về án phí: anh Lê Quang Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006682 ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND, Chi cục THADS huyện Thanh Chương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phồn